

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/LĐ-PT

Ngày 12-11-2024

V/v Tranh chấp về bồi thường thiệt
hại phát sinh từ hợp đồng lao động

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Ông Nguyễn Văn Thu

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLPT-LĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp về bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng lao động”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/LĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần G. Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà VTV, Số H, đường P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng Q – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Đặng Minh N – Chức danh: Trưởng Ban pháp chế (Theo Quyết định số 210205/2023/QĐUQ-GHTK về việc ủy quyền ký các văn bản ngày 02/3/2023 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần G).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: Tòa nhà P, Số B C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/4/2024).

2. Ông Trần Quốc H, sinh năm 2001. Địa chỉ cư trú: Số A, Đường I, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2024).

- *Bị đơn*: Ông Vũ Đình P, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Công ty Cổ phần G là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2023 (Tòa án nhận ngày 08/3/2024), thì nội dung khởi kiện của Công ty Cổ phần G đối với ông Vũ Đình P được tóm tắt như sau:

Ngày 10/6/2020, Công ty Cổ phần G (sau đây viết tắt là Công ty) và ông Vũ Đình P (sau đây viết tắt là ông P) có ký hợp đồng lao động số HCM.424445-1/2020/HĐLĐ. Theo đó ông P được xác định là người lao động của Công ty với chức danh chuyên môn là tài xế, làm việc tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P có nhiệm vụ là giao, nhận hàng hóa bằng xe tải đến các kho hàng của Công ty theo sự phân công, điều động của nhân viên điều phối. Ngày 27/5/2021, ông P điều khiển xe tải biển kiểm soát 29H - 367.52 (xe thuộc sở hữu của Công ty) lưu thông trên Cầu R theo hướng từ tỉnh Bến Tre về tỉnh Tiền Giang thì va chạm vào xe ô tô biển kiểm soát 71A - 064.18 (thuộc sở hữu của Công ty TNHH S1 do tài xế Nguyễn Thanh L điều khiển), gây thiệt hại cho xe ô tô biển kiểm soát 71A - 064.18 với tổng số tiền là 724.676.000đ. Sau khi xảy ra tai nạn, ông P đã dùng tiền cá nhân bồi thường cho chủ xe ô tô biển kiểm soát 71A - 064.18 hết 100.000.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và bản án hình sự phúc thẩm số 87/2023/HS-PT ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đều giải quyết buộc “*Công ty Cổ phần G và bị cáo Vũ Đình P có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Công ty TNHH S1 số tiền là 348.171.000đ*”, số tiền án phí dân sự sơ thẩm Công ty Cổ phần G và bị cáo Vũ Đình P có nghĩa vụ liên đới nộp là 17.408.500đ, số tiền án phí dân sự phúc thẩm Công ty Cổ phần G có nghĩa vụ nộp là 300.000đ.

Công ty Cổ phần G đã thực hiện việc nộp toàn bộ khoản tiền bồi thường, tiền án phí theo các bản án nêu trên cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo các biên lai thu số 0004794 và 0034895 cùng ngày 22/9/2023.

Căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 3 hợp đồng lao động số HCM.424445-1/2020/HĐLĐ ngày 10/6/2020 thì người lao động phải bồi

thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành. Khoản 2 Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp một người đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu những người có nghĩa vụ liên đới khác phải thực hiện phần nghĩa vụ liên đới của họ đối với mình”*. Điều 597 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao; nếu pháp nhân đã bồi thường thiệt hại thì có quyền yêu cầu người có lỗi trong việc gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật”*.

Do đó, Công ty Cổ phần G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải hoàn trả số tiền Công ty đã bồi thường thiệt hại là 348.171.000đ, tiền án phí dân sự sơ thẩm mà Công ty đã đóng là 17.408.500đ, tổng cộng 02 khoản là 365.579.500đ. Tiền lãi tính trên số tiền 365.579.500đ, tạm tính từ ngày 22/9/2023 đến ngày 11/10/2023, với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là 1.903.207đ. Tổng cộng cả các khoản tiền bồi thường, tiền đóng án phí sơ thẩm và tiền lãi là 367.482.707đ.

Tại đơn đề nghị về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện số 834/ĐĐN-GHTK ngày 21/6/2024, Công ty Cổ phần G rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 100.000.000đ (*số tiền 100.000.000đ này đã được Tổng Công ty Cổ phần B chi trả*) trong tổng số tiền 367.482.707đ nêu trong đơn kiện, số tiền còn lại Công ty Cổ phần G yêu cầu ông P phải bồi thường là 267.482.707đ.

Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 21/6/2024 của anh Nguyễn Hồng S có bổ sung ý kiến như sau: Ngày 21/6/2024, Công ty Cổ phần G đã có đơn đề nghị số 834/ĐĐN-GHTK để rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 100.000.000đ. Do đó, Công ty Cổ phần G yêu cầu ông P phải bồi thường số tiền 265.579.500đ và số tiền lãi phát sinh tính đến khi Tòa tuyên án. Căn cứ mà Công ty Cổ phần G yêu cầu bồi thường dựa trên cơ sở là:

- Ông P là nhân viên của Công ty, trong quá trình làm việc, ông P đã gây thiệt hại cho bên thứ ba, nên Công ty đã có trách nhiệm bồi thường thay cho ông P. Sau khi bồi thường thiệt hại, Công ty có quyền yêu cầu ông P hoàn lại tiền cho Công ty, sau khi cản trừ số tiền 100.000.000đ mà Tổng Công ty Cổ phần B chi trả, thì số tiền còn lại ông P phải bồi thường cho Công ty là 265.579.500đ.

- Về khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm trả 265.579.500đ từ ngày 22/9/2023 đến khi Tòa án tuyên án: Căn cứ quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”*. Do đó, ngoài việc hoàn trả cho Công ty số tiền 265.579.500đ, ông P còn có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm.

Bị đơn Vũ Đình P trình bày:

Công ty Cổ phần G đã được nhận số tiền bảo hiểm 100.000.000đ do Công ty B1 đã chi trả cho chủ phương tiện gây tai nạn (xe tải biển số 29H-367.52) là Công ty Cổ phần G, nên phải được khấu trừ số tiền này vào khoản tiền 348.171.000đ, nên khoản thiệt hại thực tế của Công ty Cổ phần G còn lại chỉ là 248.171.000đ. Do bản án tuyên là hai bên liên đới trách nhiệm, nên phía Công ty Cổ phần G chịu $\frac{1}{2}$ là 124.085.500đ, phía ông P chịu $\frac{1}{2}$ là 124.085.500đ. Do đó, ông P đồng ý hoàn trả cho Công ty Cổ phần G số tiền 124.085.500đ. Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm là 17.408.500đ, thì do bản án tuyên là hai bên liên đới trách nhiệm, nên phía Công ty Cổ phần G chịu $\frac{1}{2}$ là 8.704.250đ, phía ông P chịu $\frac{1}{2}$ là 8.704.250đ.

Do đó, ông P đồng ý hoàn trả cho Công ty Cổ phần G số tiền 8.704.250đ. Đối với khoản tiền lãi, thì ông P chỉ đồng ý trả lãi cho Công ty Cổ phần G theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) tính trên những khoản tiền mà ông P đồng ý bồi thường cho Công ty Cổ phần G, theo mốc thời gian mà Công ty Cổ phần G yêu cầu.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày ý kiến như sau:

- Anh S và anh H (cùng là người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn) thống nhất ý kiến xác định Công ty Cổ phần G giữ nguyên nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 100.000.000đ (*do số tiền 100.000.000đ này đã được Tổng Công ty Cổ phần B chi trả cho Công ty*). Công ty xác định tính đến thời điểm xét xử, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Đình P phải hoàn trả cho Công ty số tiền mà Công ty đã bồi thường thiệt hại cho bên thứ ba là 248.171.000đ, số tiền án phí dân sự mà Công ty đã đóng là 17.408.500đ, khoản tiền lãi tính trên 02 khoản tiền trên theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 22/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2024 (312 ngày) là $248.171.000đ + 17.408.500đ = 265.579.500đ \times 0,83\%/tháng \times 312 \text{ ngày} = 22.372.417đ$. Anh S cũng xác định là tại điểm e khoản 2 Điều 3 hợp đồng lao động số HCM.424445-1/2020/HĐLĐ ngày 10/6/2020 giữa Công ty và ông P có quy định người lao động phải “*Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành*”, nhưng phía Công ty không có quy định cụ thể về vấn đề bồi thường thiệt hại này, nên đề nghị Tòa án áp dụng quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Ông Vũ Đình P giữ nguyên ý kiến đã trình bày là chỉ đồng ý hoàn trả cho Công ty $\frac{1}{2}$ trong số tiền bồi thường 248.171.000đ, tương ứng là 124.085.500đ và $\frac{1}{2}$ trong số tiền án phí dân sự sơ thẩm 17.408.500đ, tương ứng là 8.704.250đ. Tổng cộng 02 khoản là 132.789.750đ. Đối với khoản tiền lãi, thì ông P chỉ đồng ý trả lãi cho Công ty theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) tính trên những khoản tiền 132.789.750đ mà ông P đồng ý bồi thường cho Công ty, theo mốc thời gian mà Công ty yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/LĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G.

Buộc ông Vũ Đình P có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty Cổ phần G khoản tiền bồi thường thiệt hại là 124.085.500đ, khoản tiền đóng án phí dân sự sơ thẩm là 8.704.250đ, khoản tiền lãi là 11.186.208đ.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, ông Vũ Đình P còn phải trả khoản tiền lãi cho Công ty Cổ phần G tính trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G liên quan đến $\frac{1}{2}$ khoản tiền yêu cầu bồi thường còn lại gồm: Tiền bồi thường thiệt hại là 124.085.500đ, khoản tiền đóng án phí dân sự sơ thẩm là 8.704.250đ, khoản tiền lãi là 11.186.208đ.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà Công ty Cổ phần G đã rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến số tiền 100.000.000đ yêu cầu bồi thường.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 15/8/2024, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh nhận được đơn kháng của Công ty Cổ phần G đề ngày 05/8/2024 kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và vẫn giữ nguyên ý kiến như tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Căn cứ Hợp đồng lao động số HCM.424445-1/2020/HĐLĐ ngày 10/6/2020 giữa Công ty Cổ phần G và ông Vũ Đình P thì xác định ông P là người lao động của Công ty. Sự việc gây tai nạn dẫn đến phát sinh bồi thường thiệt hại là trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động nên các quy định liên quan về trách nhiệm vật chất của người lao động được quy định trong hợp đồng lao động, Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14

tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động để xem xét. Bộ luật Lao động năm 2019 không có quy định cụ thể về mức bồi thường đối với thiệt hại về tài sản do hành vi khác của người lao động gây ra cho người sử dụng lao động với lỗi vô ý, cũng không quy định về việc phải trả lãi trên số tiền bồi thường thiệt hại, nên phải dẫn chiếu đến nội quy lao động của người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Bộ luật Lao động năm 2019.

Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn đã xác định phía Công ty không ban hành quy định cụ thể về vấn đề bồi thường thiệt hại của người lao động. Do đó, không đủ cơ sở xác định mức bồi thường thiệt hại cụ thể của ông P cho Công ty trong trường hợp này. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 32, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn là Công ty Cổ phần G, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nhận định ông P đã có hành vi điều khiển xe ô tô biển số 29H-367.52 (thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần G) vượt trái không đúng quy định dẫn đến va chạm vào xe ô tô biển số 71A-064.18 gây tai nạn và buộc Công ty Cổ phần G và ông P có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền là 348.171.000đ; đồng thời Công ty Cổ phần G và ông P có nghĩa vụ liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.408.500đ. Tuy nhiên, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 87/2023/HS-PT ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang cũng đã nhận định ông P là người được thuê lái xe 29H-367.52 theo sự phân công của Công ty và chỉ được chở hàng hóa cho Công ty đến địa điểm do Công ty C và hưởng lương theo hợp đồng nên ông P không phải là người chiếm hữu, sử dụng xe mà Công ty Cổ phần G là người chiếm hữu, sử dụng. Do đó, theo quy định tại Điều 601 Bộ luật Dân sự, Công ty Cổ phần G là người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại nhưng bản án sơ thẩm lại buộc ông P và Công ty Cổ phần G cùng liên đới bồi thường thiệt hại là không phù hợp với quy định của Điều 601 Bộ luật Dân sự và hướng dẫn của

Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuy nhiên bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị phần này.

[5] Căn cứ Hợp đồng lao động số HCM.424445-1/2020/HĐLD ngày 10/6/2020 giữa Công ty Cổ phần G và ông Vũ Đình P thì xác định ông P là người lao động của Công ty Cổ phần G. Việc Công ty khởi kiện yêu cầu ông P phải bồi thường thiệt hại là do trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động ông P đã gây tai nạn vào ngày 27/5/2021 dẫn đến Công ty phải bỏ tiền ra bồi thường. Do đó các quy định liên quan về trách nhiệm vật chất của người lao động được quy định trong hợp đồng lao động, Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, được áp dụng khi giải quyết vụ án. Vì vậy, Công ty yêu cầu xem xét bồi thường theo quy định tại các Điều 288, Điều 597 Bộ luật Dân sự là không có cơ sở.

[6] Tại điểm e khoản 2 Điều 3 Hợp đồng lao động số HCM.424445-1/2020/HĐLD ngày 10/6/2020 giữa Công ty với ông P có quy định về nghĩa vụ của người lao động “*Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành*”. Nhưng nguyên đơn xác định Công ty không có ban hành quy định cụ thể về vấn đề bồi thường thiệt hại của người lao động và cũng không thực hiện các trình tự, thủ tục về xử lý bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về lao động theo quy định tại Điều 129 của Bộ luật Lao động và Điều 71 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm ông P đồng ý hoàn trả cho Công ty $\frac{1}{2}$ số tiền bồi thường là 124.085.500đ, $\frac{1}{2}$ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.704.250đ, $\frac{1}{2}$ số tiền lãi là 11.186.208đ, tổng cộng các khoản là 143.975.958đ, nghĩa là ông P đồng ý cùng với nguyên đơn mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại, trên cơ sở đó bản án sơ thẩm tuyên buộc ông P bồi thường số tiền trên là phù hợp.

[7] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần G, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần G phải chịu 300.000 đồng.

[9] Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần G.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2024/LĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 92, 147, 148, 244 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 105 của Bộ luật Dân sự; các Điều 129, 130 của Bộ luật Lao động; Điều 71 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; các Điều 6, 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G.

Buộc ông Vũ Đình P có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty Cổ phần G khoản tiền bồi thường thiệt hại là 124.085.500đ, khoản tiền đóng án phí dân sự sơ thẩm là 8.704.250đ, khoản tiền lãi là 11.186.208đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, ông Vũ đình P còn phải trả khoản tiền lãi cho Công ty Cổ phần G tính trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G liên quan đến ½ khoản tiền yêu cầu bồi thường còn lại gồm: Tiền bồi thường thiệt hại là 124.085.500đ, khoản tiền đóng án phí dân sự sơ thẩm là 8.704.250đ, khoản tiền lãi là 11.186.208đ.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà Công ty Cổ phần G đã rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến số tiền 100.000.000đ yêu cầu bồi thường.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Vũ Đình P phải nộp số tiền 4.319.279đ án phí đối với tranh chấp về lao động có giá ngạch.

- Buộc Công ty Cổ phần G phải nộp số tiền 4.319.279đ án phí đối với tranh chấp về lao động có giá ngạch. Chuyển khoản tiền tạm ứng án phí mà Công ty Cổ phần G đã nộp là 5.512.241đ theo biên lai thu số 0003557 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành án phí, nên hoàn lại cho Công ty Cổ phần G số tiền 1.192.962đ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà

Công ty Cổ phần G đã nộp theo Biên lai thu số 0003087 ngày 15/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, Công ty Cổ phần G đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc